Nguyễn Nhật Trường 2111903

**CÂU HỎI ÔN TẬP QUẢN TRỊ MẠNG 2023**

1. Tìm hiểu cài đặt IP cho máy tính server bằng lệnh Netsh

Lệnh: netsh interface ipv4 set address name="Tên Cổng Mạng" static IP SubnetMask Gateway

Ví dụ: netsh interface ipv4 set address name="Ethernet" static 192.168.1.2 255.255.255.0 192.168.1.1

1. Tạo user tên là Test với mật khẩu là A0 bằng lệnh net user

net user Test A0 /add

1. Cài đặt phần mềm Mremote và điều khiển Server 2019

Vào trang web <https://mremote-ng.org/> tải mRemote về.

Sau khi mở mRemote nhấp vào nút Quick Connect hoặc New Connection để thêm máy chủ.

Điền Name, Protocol, Hostname/IP, Username/Password

Nhấp nút Save & Connect để kết nối tới máy chủ

1. Tạo các user trên Windows Server với thông tin sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Username** | **Password** |
| Test01 | A1 |
| Test02 | A2 |
| Test03 | A3 |
| Test04 | A4 |
| Test05 | A5 |
| Test06 | A6 |
| Test07 | A7 |
| Test08 | A8 |
| Test09 | A9 |
| Test10 | A10 |
| Test11 | A11 |
| Test12 | A12 |
| Test13 | A13 |

net user Test01 A1 /add

net user Test02 A2 /add

net user Test03 A3 /add

net user Test04 A4 /add

net user Test05 A5 /add

net user Test06 A6 /add

net user Test07 A7 /add

net user Test08 A8 /add

net user Test09 A9 /add

net user Test10 A10 /add

net user Test11 A11 /add

net user Test12 A12 /add

net user Test13 A13 /add

1. Tạo folder tên là DungChung sau đó tạo các folder con theo bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Username** | **Password** |
| D:\DungChung\Test01 | Phân quyền cho User Test01 |
| D:\DungChung\Test02 | Phân quyền cho User Test02 |
| D:\DungChung\Test03 | Phân quyền cho User Test03 |
| D:\DungChung\Test04 | Phân quyền cho User Test04 |
| D:\DungChung\Test05 | Phân quyền cho User Test05 |
| D:\DungChung\Test06 | Phân quyền cho User Test06 |
| D:\DungChung\Test07 | Phân quyền cho User Test07 |
| D:\DungChung\Test08 | Phân quyền cho User Test08 |
| D:\DungChung\Test09 | Phân quyền cho User Test09 |
| D:\DungChung\Test10 | Phân quyền cho User Test10 |
| D:\DungChung\Test11 | Phân quyền cho User Test11 |
| D:\DungChung\Test12 | Phân quyền cho User Test12 |
| D:\DungChung\Test13 | Phân quyền cho User Test13 |

mkdir D:\DungChung\Test01

icacls "D:\DungChung\Test01" /grant Test01:(OI)(CI)F

1. Đảm bảo user nào chỉ được truy cập duy nhất folder của user đó

icacls "D:\DungChung\Test01" /inheritance:r /grant Test01:(OI)(CI)F

1. Dùng Windows 10 truy cập vào Folder dùng chung để kiểm tra phân quyền.

Chuột phải vào thư mục dùng chung -> properties -> security

1. Tạo snapshot lưu trữ Windows 10, tìm hiểu local policy tắt Task Manager của Windows 10
   * Tìm hiểu local policy tắt services.msc của Windows 10

Gpedit.msc -> computer configuration -> administrative templates -> system -> Ctrl+alt+del options -> remove task manager

* + Tìm hiểu local policy tắt Control Pannel của Windows 10

Gpedit.msc -> computer configuration -> administrative templates -> system -> Prohibit access to control panel and pc settings

* + Tìm hiểu local policy tắt Registry của Windows 10

Gpedit.msc -> computer configuration -> administrative templates -> system -> prevent access to registry editing tools

1. Tìm hiểu lý thuyết về dịch vụ DHCP, HTTP, HTTPS, FTP (active/passive)

DHCP: là giao thức cung cấp địa chỉ IP và các thông số mạng khác tự động

HTTP/HTTPS: là giao thức truyền tải dữ liệu qua mạng giữa máy khách và máy chủ, thường được sử dụng để truy cập trang web

FTP: là giao thức truyền tải file giữa máy khách và máy chủ

1. Tìm hiểu cách mở rule Firewall để cho phép Windows 10 có thể ping tới Windows Server 2019 và ngược lại.

Control panel -> windows defender firewall -> advanced settings

Trong inbound rules và outbound rules, tạo rule cho ICMPv4 để cho phép ping

1. Tạo các user ở câu 13 bằng lệnh net user (sinh viên tìm hiểu thêm lệnh đổi password, thêm user vào group)

Tạo user: net user <username> <password> /add

Đổi mật khẩu: net user <username> <new\_password>

Thêm user vào group: net localgroup <groupname> <username> /add

1. Sử dụng lệnh Netsh mức cơ bản
   * Xem IP của card mạng máy tính (**netsh interface ipv4 show config**)

netsh interface ipv4 show config

* + Gán IP tĩnh card mạng máy tính **(netsh interface ipv4 set address name="Wi-Fi" static 192.168.3.8 255.255.255.0 192.168.3.1**)

netsh interface ipv4 set address name="Wi-Fi" static 192.168.3.8 255.255.255.0 192.168.3.1

* + Thiết lập DNS cho card mạng máy tính (netsh interface ipv4 set dns name="Wi-Fi" static 8.8.8.8)

netsh interface ipv4 set dns name="Wi-Fi" static 8.8.8.8

1. Cú pháp sử dụng lệnh Net Use để map ổ đĩa ánh xạ mạng đã chia sẻ giữa các máy tính.

Net use [chữ cái ổ đĩa]: \\<địa chỉ của thư mục muốn ánh xạ> /user:<tên người dùng> <password>

1. Mục đích của port forwarding là gì ? DMZ là gì ?

Port forwarding: mục đích là chuyển tiếp gói tin từ một cổng trên router đến một máy tính hoặc thiết bị vụ thể trong mạng nội bộ, để có thể truy cập dịch vụ nào đó từ bên ngoài mạng

DMZ: là một khu vựac mạng tách biệt được tạo ra để đặc cá máy chủ hoặc dịch vụ mà bạn muốn truy cập từ Internet mà không làm suy giảm mức độ bảo mật của mạng nội bộ

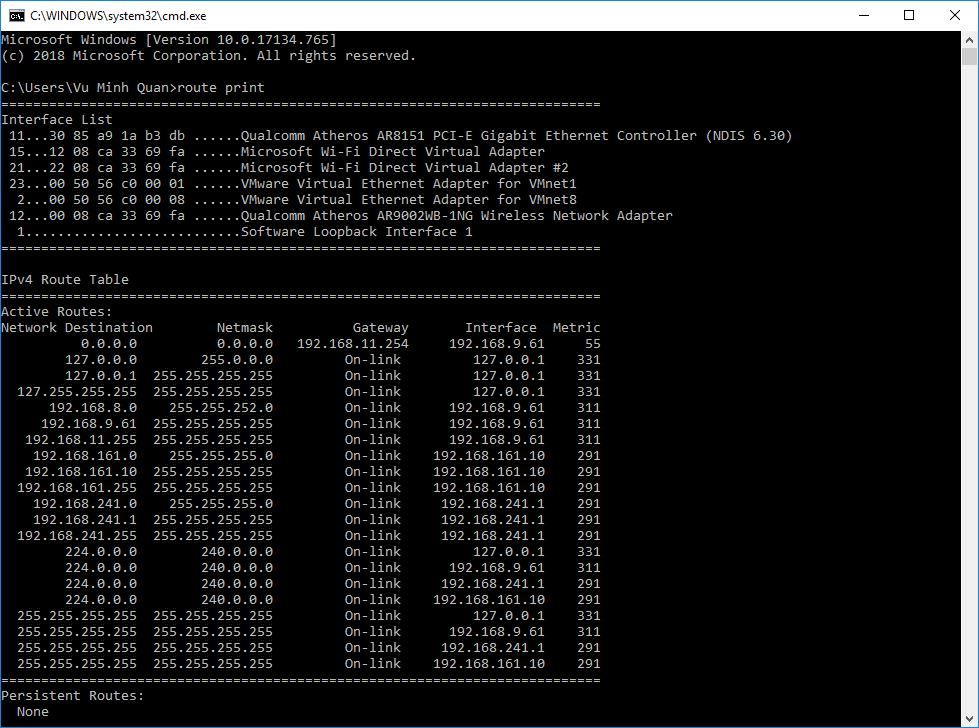
1. VPN là gì ? Có mấy loại VPN? Có thể tạo VPN trên Windows 10 bằng cách nào ? Hiệu chỉnh Modem như thế nào để có thể kết nối VPN từ Internet?

VNP là một mạng riêng ảo được tạo ra để kết nối các máy tính hoặc mạng nội bộ một cách an toàn qua Internet

Có 2 loại VPN chính thì có site-to-site VPN và remote access VPN

Tạo VPN: settings -> network & internet -> VPN -> Add a VPN connection

1. Hãy cho biết nội dung của bảng sau là gì ? Muốn thêm một phần tử trong bảng này thì dùng lệnh nào?



Hiển thị thông tin về kết nối mạng đang hoạt động trên máy tính

Interface list: danh sách các giao diện mạng

Netword Destination: địa chỉ mạng đích

Netmask: mặt nạ mạng

Gateway: Cổng kết nối

Interface: Giao diện mạng được sử dụng để kết nối đến địa chỉ mạng đích

Metric: giá trị để định tuyến đến mạng đích

Cách thêm một phần tử:

Route add [-p] <destination> <mask> <gateway> [<metric>] [<interface>]

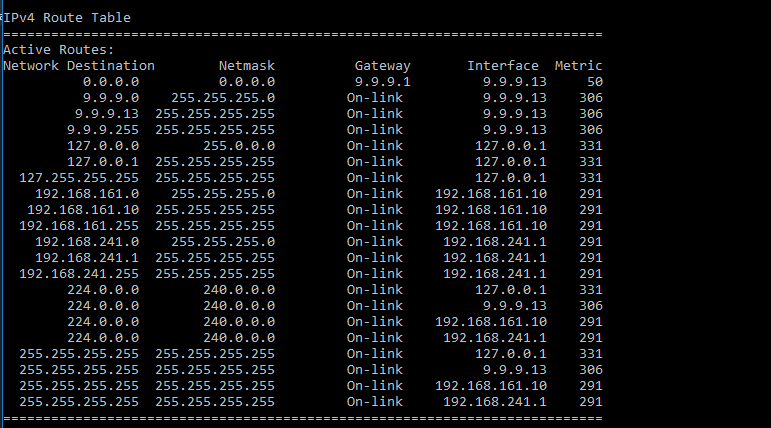
1. Nêu các lỗi thường gặp khi thực hiện kết nối domain ( join domain) từ máy Windows 10 đến Windows Server 2019 không thành công?

Không tìm thấy domain, sai thông tin đăng nhập, không kết nối được với domain controller, trùng tên máy, tường lửa, dns, chưa cấp quyền

1. Giải thích lệnh nslookup dùng để làm gì ? Lệnh nào cho phép xem bộ nhớ cache DNS của Windows Server 2019 ?

Nslookup là công cụ để truy vấn DNS, dùng để xác định địa chỉ IP của một tên miền

Lệnh cho phép xem bộ nhớ cache DNS: ipconfig /displaydns



1. Hãy cho biết chức năng Routing and Remote Access của Windows Server 2019 dùng để làm gì ?

Cung cấp các dịch vụ định tuyến và truy cập từ xa trong môi trường mạng

Hỗ trợ các giao thức định tuyến RIP, OSPF và BGP

Cho phép kết nối từ xa vào mạng thông qua VPN và Dial-Up

1. Domain Controller, Active Directory là gì ? Những tính năng của Active Directory? Child Domain là gì?

Domain Controller là một máy chủ chứa dịch vụ Active Directory. Lưu trữ cơ sở dữ liệu người dùng, nhóm và các tài nguyên mạng khác

Active Directory là dịch vụ quản lý dnah tính và tài nguyên trong môi trường mạng. cho phép tổ chức và quản lý người dùng, máy tính và các tài nguyên khác

Tính năng của AD: quản lý danh tính và quyền truy cập, đơn giản hoá quản lý người dùng và máy tính, cung cấp tính năng đồng bộ hoá giữa các máy tính trong mạng

Child Domain là một domain con trong mô hình Active Directory. Tính năng độc lập nhưng có thể được quản lý và chia sẻ tài nguyên từ domain cha.

1. Cách thức cài đặt cấu hình một website trên IIS, cài đặt Wordpress trên IIS. Có thể cài đặt nhiều website trên cùng một port 80 trên IIS được không? Giải thích cách làm.

Tải và thêm role Web Server (IIS) trong Server Manager và cung cấp các thông số như IP, port, …

Cài đặt Wordpress: tỉa và giải nén mã nguồn của Wordpress vào thư mục web của IIS, tạo cơ sở dữ liệu và cấu hình Wordpress để sử dụng cơ sở dữ liệu này, tiến hành cài đặt và cấu hình Wordpress thông qua trình cài đặt

Có thể bằng cách sử dụng host headers hoặc SNI cho các máy chủ hỗ trợ TLS/SSL

1. DHCP hoạt động thế nào ? Cách thức cấu hình DHCP trên Windows Server 2019?

DHCP cung cấp địa chỉ IP động cho các thiết bị trong mạng, cấp cấu hình TCP/IP như địa chỉ IP, subnet mask, gateway và DNS server

Cài đặt và cấu hình DHCP: trong Server Manager tải và thêm role DHCP Server, cấu hình phạm vi IP, DHCP và các thứ khác

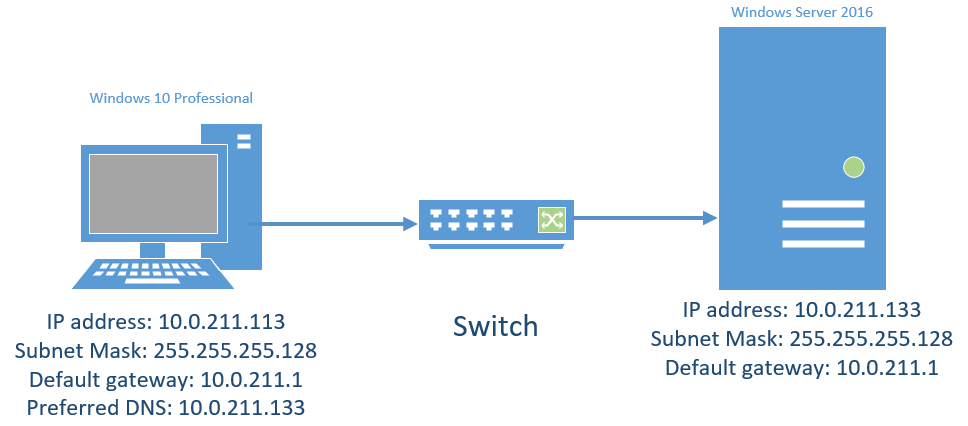
1. DNS hoạt động thế nào ? Làm sao cài đặt và cấu hình dịch vụ DNS trên Windows Server ? Sinh viên cài đặt website có domain tên sinhvien.com trên dns và dùng Windows 10 client truy cập kiểm tra chức năng của DNS?

DNS dùng để chuyển đổi tên miền thành địa chỉ IP và ngược lại, đóng vai trò quan trọng trong quản lý và tìm kiếm tên miền

Cài đặt và cấu hình DNS: trong Serer Manager tải và thêm role DNS Server, cấu hình các khu vực DNS, bản ghi, và các cài đặt khác

Để kiểm tra DNS có hoạt động hay không thì ping tới địa chỉ tên miền đó

1. Trong hình dưới Windows 10 không thể join domain congty.com trên Windows Server 2016. Sinh viên hãy mô tả nguyên nhân của sự cố này. Biết rằng Windows 10 đã Sysprep, Server đã cài đặt DNS trỏ domain congty.com thành công.



vì cả máy tính và server có cùng chung IP nên không thể join domain được

1. Khi tạo user với mật khẩu là số 1, người quản trị gặp lỗi và không tạo thành công. Sinh viên hãy cho biết các lỗi có thể gặp của người quản trị này và trình bày giải pháp khắc phục ?

Lỗi về chính sách mật khẩu quy định về độ dài, sự phức tạp và lịch sử mật khẩu

Cách khắc phục: thay đổi bằng một mật khẩu đáp ứng được yêu cầu của chính sách

1. OU là gì ? Group là gì ? Có mấy loại group ? Tại sao sau khi tạo OU trên Active Directory User and Group của Windows 2019 không thể xóa được OU? Nếu muốn xóa thì phải chỉnh ở đâu?

OU là đơn vị tổ chức, cho phép tổ chức và quản lý các đối tượng như User và Group trong Active Directory

Group là tập hợp các User, Computer có thể chia sẻ tài nguyên

Có 2 loại Group là Security Group vầ Distribution Group

Để có thể xoá OU phải đảm bảo OU không chưa bất kỳ đối tượng nào (nếu có thì phải xoá đối tượng đó)

1. Làm sao có thể cấm tất cả user trong domain controller không thể vào Regedit ? Hiệu chỉnh chức năng này ở đâu?

Group Policy Editor -> user configuration -> system -> prevent access to registry editing tools

1. Cho mô hình mạng Domain với địa chỉ IP 10.10.0.0/22 có thể tạo ra bao nhiêu mạng domain có số client Windows 10 là 50 client ?

50 client tương ứng với 2^6 -> 32 – 6 =26 -> 26 -24 = 4 -> 2^4 = 16

1. Lệnh nào để thêm một User, Group, OU vào Active Directory

User: New-ADUser -SamAccountName "TênUser" -UserPrincipalName "User@domain.com" -GivenName "Tên" -Surname "Họ"

Group: New-ADGroup -Name "TênGroup"

OU: New-ADOrganizationalUnit -Name "TênOU"

1. Lệnh nào để thay đổi password của một user trong hệ thống Active Directory

Set-ADAccountPassword -Identity "TênUser" -NewPassword (ConvertTo-SecureString -AsPlainText "MậtKhẩuMới" -Force)

1. Cách thức tạo và đổi mật khẩu của nhiều User từ File Excel

A1 là tên và A2 là mật khẩu và A3 là mật khẩu mới

Tạo: net user A1 A2 /add

Đổi mật khẩu: net user A1 A3

1. Python cơ bản:
   * Khai báo biến trong python ( int, str …)

IntAge = 20

StringName = Truong

* + Khai báo List trong python (thêm, xóa, sửa phần tử trong list) numbers.append(6)

numbers.remove(3)

numbers[1] = 10

* + Khai báo Dictionary trong python (thêm, xóa, sửa phần tử trong Dict) person['city'] = 'New York'

del person['age']

person['name'] = 'Jane'

* + Cách thức đọc file txt của Pythonwith open('file.txt', 'r') as file:

content = file.read()

import csv

with open('file.csv', 'r') as file:

reader = csv.reader(file)

for row in reader:

print(row)

* + Cách thức đọc file csv của Python

full\_name = "John Doe"

first\_name, last\_name = full\_name.split()

names = ["John Doe", "Jane Smith"]

first\_names = [name.split()[0] for name in names]

import csv

with open('file.csv', 'r') as file:

reader = csv.reader(file)

first\_names = [row[0].split()[0] for row in reader]

* + Cách tách tên trong một chuỗi String cho trước, cách tách tên từ List và file csv

# Tách tên từ chuỗi

full\_name = "John Doe"

first\_name, last\_name = full\_name.split()

# Tách tên từ List

names = ["John Doe", "Jane Smith"]

first\_names = [name.split()[0] for name in names]

# Tách tên từ file csv

import csv

with open('file.csv', 'r') as file:

reader = csv.reader(file)

first\_names = [row[0].split()[0] for row in reader]

* + Sắp xếp một list tăng giảm

# Sắp xếp tăng dần

numbers.sort()

# Sắp xếp giảm dần

numbers.sort(reverse=True)

1. Các bài tập python mà đã làm trong bài lab.
2. Viết chương trình python hiển thị tất cả folder trong thư muc [\\192.168.161.128\DungChung](file:///\\192.168.161.128\DungChung) (trong đó 192.168.161.128 là IP của server DC sinh viên đã cài đặt).

import os

path = '\\\\192.168.161.128\\DungChung'

folders = [f for f in os.listdir(path) if os.path.isdir(os.path.join(path, f))]

print("Danh sách các folder:")

for folder in folders:

print(folder)

1. Viết chương trình copy file từ một thư mục nguồn sang thư mục đích bằng python

import shutil

source\_path = 'source\_folder'

destination\_path = 'destination\_folder'

shutil.copy('source\_folder\\file.txt', 'destination\_folder\\file.txt')

1. Viết chương trình copy file txt từ thư mục của các user tới một thư mục đích.

import os

import shutil

source\_folder = 'users\_folder'

destination\_folder = 'destination\_folder'

for user\_folder in os.listdir(source\_folder):

if os.path.isdir(os.path.join(source\_folder, user\_folder)):

source\_file\_path = os.path.join(source\_folder, user\_folder, 'file.txt')

if os.path.exists(source\_file\_path) and source\_file\_path.endswith('.txt'):

destination\_file\_path = os.path.join(destination\_folder, f'{user\_folder}\_file.txt')

shutil.copy(source\_file\_path, destination\_file\_path)

1. Viết chương trình copy file txt từ thư mục của các user tới nhiều thư mục đích.

import os

import shutil

source\_folder = 'users\_folder'

destination\_folders = ['destination\_folder1', 'destination\_folder2']

for user\_folder in os.listdir(source\_folder):

if os.path.isdir(os.path.join(source\_folder, user\_folder)):

source\_file\_path = os.path.join(source\_folder, user\_folder, 'file.txt')

if os.path.exists(source\_file\_path) and source\_file\_path.endswith('.txt'):

for dest\_folder in destination\_folders:

destination\_file\_path = os.path.join(dest\_folder, f'{user\_folder}\_file.txt')

shutil.copy(source\_file\_path, destination\_file\_path)

1. Viết chương trình thêm một User vào Active Directory bằng Python

import subprocess

username = 'new\_user'

password = 'new\_password'

subprocess.run(['net', 'user', username, password, '/add'])

1. Viết chương trình đổi Password của nhiều User trong Active Directory bằng Python

import subprocess

usernames = ['user1', 'user2', 'user3']

new\_password = 'new\_password'

for username in usernames:

subprocess.run(['net', 'user', username, new\_password])

1. Viết chương trình python cho phép ánh xạ ổ địa [\\IP-Server\DungChung](file:///\\IP-Server\DungChung) cho tất cả nhân viên của congty.com

import os

import subprocess

domain\_users = ['user1', 'user2', 'user3'] # Danh sách người dùng trong domain

for user in domain\_users:

network\_drive = f'\\\\IP-Server\\DungChung'

user\_drive = f'Z:' # Chọn ổ đĩa nào đó, có thể thay đổi

user\_path = os.path.join(user\_drive, user)

# Kiểm tra nếu ổ đĩa đã được ánh xạ thì xóa đi

subprocess.run(['net', 'use', user\_drive, '/delete', '/yes'], shell=True, stdout=subprocess.PIPE, text=True)

# Ánh xạ ổ đĩa

subprocess.run(['net', 'use', user\_drive, network\_drive, f'/user:{user}', 'password'], shell=True, stdout=subprocess.PIPE, text=True)

# Tạo thư mục riêng cho người dùng nếu chưa có

os.makedirs(user\_path, exist\_ok=True)

1. Viết chương trình tìm và xóa một file theo tên của file đó

import os

def delete\_file(file\_path):

try:

os.remove(file\_path)

print(f"Đã xóa file: {file\_path}")

except Exception as e:

print(f"Lỗi khi xóa file {file\_path}: {e}")

file\_name\_to\_delete = 'file\_to\_delete.txt'

directory\_path = 'path\_to\_directory'

for root, dirs, files in os.walk(directory\_path):

for file in files:

if file == file\_name\_to\_delete:

file\_path = os.path.join(root, file)

delete\_file(file\_path)

1. Tham số nào của lệnh tạo user cho phép hiệu chỉnh user đó sau khi đăng nhập lần đầu phải đổi password.

net user username password **/logonpasswordchg**

1. Để cài đặt VPN cho Windows Server 2019 phải dùng chức năng nào ? Muốn user có thể kết nối VPN thì phải chỉnh ở đâu ?

Chức năng cài đặt VPN trên Windows Server 2019 có thể sử dụng Remote Access Role. Sau khi thêm role này thì có thể cấu hình và quảng lý VPN thông qua Touting and Remote Access. Để cho phép kết nối VPN thì cần chỉnh quyền Network Policies của RRAS

1. Profile của User có những kiểu nào ? Hãy giải thích chức năng của từng kiểu profile ?

Có 3 kiểu profile chính:

Local Profile là profile lưu trên máy tính cụ thể mà người dùng đó đang sử dụng, thay đổi trên một máy tính không ảnh hưởng đến các máy khác.

Roaming Profile lưu trên máy chủ và được đồng bộ khi người dùng đăng nhập và đăng xuất.

Mandatory Profile là profile roaming nhưng không cho phép người dùng lưu trữ bất kỳ thay đổi nào. Mọi thay đổi sẽ bị huỷ khi người dùng đăng xuất.

1. Để giới hạn người dùng không được copy file quá 100MB lên ổ đĩa D: của máy tính, quản trị mạng phải cấu hình chức năng nào? Có thể cấm không cho phép người dùng chép file exe lên ổ đĩa D được không?

Để giới hạn kích thước file được copy lên ổ đĩa, có thể dùng Quotas.

Cấm người dùng chép file exe có thể được thực hiện thông qua quản lý Group Policy -> Software Restriction Policies

1. DFS trên Windows Server là chức năng gì ?

DFS là chức năng trên Windows Server giúp tạo ra một không gian tên đồng nhất để lưu trữ và quản lý cá tệp tin từ nhiều máy chủ và địa điểm khác nhau, cải thiện tính sẵn sàng và quản lý tệp tin trên mạng

1. Loadbalancing là gì ? Cách thức cấu hình Server 2019 có chức năng LoadBallancing

Load balancing là quá trình phân phối công việc và tải trọng trên một hệ thốngm áy chủ hoặc mạng để đảm bảo rằng không có máy chủ cụ thể nào quá tải, dồng thời cải thiện hiệu suất và độ tin cậy

Windows Server 2019 hỗ trợ load balancing cho các dịch vụ như IIS và có thể cấu hình nó thông qua Server Manager hoặc Network Load Balancing Manager

1. Tìm hiểu các dịch vụ Cloud hiện nay
2. Amazon Web Service (AWS): cung cấp các dịch vụ đám mây (tính toán, lưu trữ, máy ảo, cơ sở dữ liệu)
3. Microsoft Azure: chứa các dịch vụ máy ảo, web, cơ sở dữ liệu và AI
4. Google Cloud Platform (GCP): cung cấp dịch vụ đám mây tính toán, lưu trữ, AD và machine learning
5. IBM Cloud: cung cấp máy ảo, lưu trữ và AI
6. Alibaba Cloud: cung cấp tính toán, lưu trữ
7. Tìm hiểu HyperV và Vmware Sphere các phần mềm này dùng làm gì ?

HyperV là nền tảng ảo hoá cho phép tạo và quản lý máy ảo trên môi trường Windows Server. Dùng để triển khai và quản lý các hệ thống ảo

VMWare vSphere là bộ sản phẩm ảo hoá của Vmware, gồm hypervisor, vCenter Server. Dùng để tạo và quản lý môi trường ảo

1. Hosting là gì ? Domain là gì ? VPS là gì ? Làm sao mua được một hosting, VPS, Domain?

Hosting: Dịch vụ cung cấp không gian lưu trữ trên máy chủ để đặt website, email, và dữ liệu khác, thường được quản lý bởi một nhà cung cấp dịch vụ hosting.

Domain: Địa chỉ web duy nhất trên Internet. Người dùng truy cập một trang web thông qua domain name, ví dụ: www.example.com.

VPS (Virtual Private Server): Một máy chủ ảo chạy trên một máy chủ vật lý, cung cấp tài nguyên độc lập và quyền kiểm soát giống như máy chủ riêng.

1. Cách thức chia sẻ File giữa Windows và Linux Centos

Có thể sử dụng giao thức như SMB/CIFS (Samba) để chia sẻ file giữa Windows và Linux. Cài đặt và cấu hình Samba trên CentOS, sau đó chia sẻ thư mục để có thể truy cập từ máy tính Windows.

1. Làm sao có thể dùng User trên DC (domain controller) đăng nhập Centos

Sử dụng SSSD (System Security Services Daemon) để kết nối CentOS với Active Directory và cho phép user trên DC đăng nhập vào CentOS.

1. Remote App là gì? Cách thức cài đặt và cấu hình Remote App.

Remote App là dịch vụ cho phép chạy ứng dụng trên máy chủ như là đang chạy trực tiếp trên máy người dùng

Cài đặt Remote Desktop Services

1. Cách thức cài đặt Webstie ASP.net trên IIS, có thể cài đặt nopcommerce trên IIS được không ? Nếu được thì cách thức cài đặt như thế nào ?

Cài đặt Website ASP.net trên IIS: cài đặt IIS -> Tạo một trang web mới -> Deploy mã nguồn trang web ASP.net vào thư mục web đã tạo

Cài đặt nopCommerce trên IIS: tải nop từ trang chủ -> deploy vào thư mục trang web IIS đã tạo -> cấu hình database

1. Làm sao vào được firewall của Window Server nhanh nhất ? Làm sao có thể mở các cổng dịch vụ 80, 22, 23, 1723 , 3389 , 443, 1433 mà không cần phải tắt firewall ?

Window+r -> firewall.cpl hoặc wf.msc

New-NetFirewallRule -DisplayName "Allow Port 80" -Direction Inbound -Protocol TCP -LocalPort 80 -Action Allow

\*thay đổi Local Port và Displayname tương ứng

1. GPO là gì ? Có thể tạo GPO cho 2 hoặc nhiều OU khác nhau được không ?

GPO (Group Policy Object): Là một tập hợp các cài đặt an toàn và cấu hình cho máy tính và người dùng trong môi trường Active Directory.

Tạo GPO cho nhiều OU:

Có thể tạo một GPO và áp dụng cho nhiều OU bằng cách sử dụng Security Filtering hoặc WMI Filtering trong cài đặt GPO.

1. Cách thức cài đặt phần mềm cho client từ GPO có mấy cách ?

Cách thức cài đặt phần mềm từ GPO:

Tải gói: Đảm bảo có gói cài đặt (.msi) của phần mềm.

Tạo một GPO mới: Sử dụng Group Policy Management Console (GPMC).

Liên kết GPO với OU hoặc miền cụ thể: Chọn OU hoặc miền nơi GPO sẽ được áp dụng.

Chọn "Software Installation": Nằm trong cấu hình máy tính hoặc người dùng.

Thêm gói cài đặt: Sử dụng đường dẫn đến file .msi.

1. Các lệnh nào để vào các dịch vụ Card mạng, Active Directory, Local User And group, Programe and Features, Internet Information Service, Registry, Microsoft Management Console, Firewall, Startup, desktop chung của tất cả user, group policy.

Card mạng: ncpa.cpl hoặc control netconnections.

Active Directory: dsa.msc.

Local User and Group: lusrmgr.msc.

Programs and Features: appwiz.cpl.

Internet Information Service (IIS): inetmgr.

Registry: regedit.

Microsoft Management Console (MMC): mmc.

Firewall: firewall.cpl.

Startup: shell:startup.

Desktop chung của tất cả user: shell:common desktop.

Group Policy: gpedit.msc.

1. Làm cách nào để có thể cấm người dùng sử dụng internet download manager bằng GPO

Chặn quyền truy cập vào thư mục cài đặt của IDM (thường là C:\Program Files (x86)\Internet Download Manager).

Sử dụng GPO để cấm thực thi tệp tin IDMan.exe.

1. Hãy tìm cách đăng nhập Windows 10 tự động, không cần nhập mật khẩu biết rằng user của Windows 10 đã có mật khẩu.

Win+r -> netplwiz -> user account -> users must enter a user name and password to use this computer -> ok -> automatically sign in -> ok

1. Lệnh nào cho phép máy tính client Windows 10 cập nhật một địa chỉ IP mới lấy từ DHCP Server ?

Ipconfig /renew

1. Server sử dụng domain qtm.com, quản trị sử dụng command dsadd user để tạo user tuy nhiên quản trị gặp lỗi ở lệnh dưới không thể tạo thành công. Sinh viên hãy tìm nguyên nhân của lỗi này?

dsadd user "CN=Tran Van A,OU=QTM\_01,OU=CTK38,OU=QTM,dc=com,dc=qtm" -upn atv -samid atv -pwd P@ssw0rd1410387 -memberof CN=QTM\_01 -mustchpwd yes

sai DC vì qtm phải đứng trước com

1. Máy Windows Server muốn chia sẽ một thư mục ẩn đến các máy client? Làm sao để share thư mục ẩn và truy cập vào thư mục ẩn này?

Properties -> sharing -> advanced sharing -> share this folder -> permissions

Trên client mở [\\Tên](file:///\\Tên) máy\\Tên thư mục

1. Bạn hiểu thế nào là Roaming Profile và Mandatory Roaming Profile?

Roaming Profile: Là một hồ sơ người dùng lưu trữ trên mạng và được sử dụng khi người dùng đăng nhập từ một máy tính khác nhau trong mạng. Roaming profiles cho phép người dùng mang theo các cài đặt cá nhân của họ, tệp tin và thư mục khi họ di chuyển giữa các máy tính.

Mandatory Roaming Profile: Là một phiên bản cụ thể của roaming profile mà người quản trị thiết lập để bắt buộc người dùng sử dụng. Người dùng không thể thay đổi thông tin trong mandatory roaming profile, và mọi thay đổi sẽ bị loại bỏ khi người dùng đăng xuất.

1. Tại sao máy pcvn.vn khi remote truy cập từ xa có thể ping đến máy ảo Windows 10 sử dụng card mạng NAT (Vmware 8) ?

VMware v8 do NAT chuyển đổi địa chỉ IP của máy ảo và che dấu địa chỉ IP thực sự của máy ảo. NAT giúp máy ảo ẩn địa chỉ IP nội bộ của nó và chỉ hiển thị địa chỉ IP của máy chủ VMware.

1. Viết file script .bat ánh xạ ổ đĩa [\\ip-server\share](file:///\\ip-server\share) với username test password test (sinh viên có thể tìm hiểu và tự viết trên Windows 10)

net use Z: \\192.168.3.1\share /user:truong 1

1. Tìm hiểu dịch vụ Network Policy Server là gì ? Các chức năng cơ bản mà dịch vụ này hỗ trợ.

Network Policy Server (NPS): Là một dịch vụ trong Windows Server cung cấp chức năng quản lý và thiết lập các quy tắc truy cập mạng dựa trên các yếu tố như danh tính người dùng, trạng thái của máy tính, và các thông số khác. NPS thường được sử dụng để triển khai các chính sách bảo mật mạng và kiểm soát quyền truy cập.

1. Chiếm quyền trong thư mục Windows Server là gì? Cách thức chiếm quyền?

Chiếm Quyền là quyền hạn mà một người dùng hay nhóm người dùng có thể sử dụng để chiếm quyền truy cập và quản lý tài nguyên trong một thư mục hoặc file. Quy trình chiếm quyền thường được thực hiện bởi người quản trị hệ thống để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền truy cập.

1. Làm sao để tắt kế thừa quyền Folder ? Có những chức năng tắt kế thừa nào? Giải thích từng chức năng.

Tắt Kế Thừa Quyền (Inheritance): Là quá trình ngăn chặn một thư mục hoặc tập tin kế thừa tất cả hoặc một số quyền của thư mục cha. Khi tắt kế thừa, thư mục con sẽ không tự động thừa hưởng tất cả các quyền từ thư mục cha. Các chức năng tắt kế thừa có thể bao gồm quyền đọc, ghi, thực thi, vv.